

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 41

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta vẫn đang nghe đến kinh văn số 51:

Kinh văn 51: **“Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả”** (Nghĩa là: Dùng ngũ lực trang nghiêm, các oán dứt sạch, không ai có thể phá hoại được

“Lực” là Ngũ lực. Ngũ căn tăng trưởng liền sản sinh ra sức mạnh thì gọi là “Ngũ lực”. Năm điều này, tên gọi cũng giống như với Ngũ căn, gồm: Tín-Tân-Niệm-Định-Huệ.

*Chúng ta cũng đang nghe HT giảng về hiệu quả của Ngũ lực. Đó là **“Chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả”** (nghĩa là: các oán dứt sạch, không ai có thể phá hoại được).*

Các oán nghiệp gồm chướng ngại bên ngoài và chướng ngại bên trong của bản thân. Giải đãi, lừa dối, hôn trầm, thất niệm; tâm tán loạn, ngu mê... đều là oán nghiệp bên trong, thuộc về tự thân. Còn tất cả oán nghiệp chướng đến từ bên ngoài thì không phải ma chướng tự thân.

Muốn phá được oán nghiệp chướng bên ngoài, thì trước hết phải đoạn oán nghiệp trong tâm. Đoạn được oán nghiệp bên trong thì oán nghiệp bên ngoài toàn bộ cũng hóa giải. Chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chướng nhưng tâm mắt ta chỉ biết đến bên ngoài, không thấy rằng tiêu trừ nghiệp chướng bên trong mới là quan trọng.

Bây giờ chúng ta nghe HT giảng tiếp về nội dung này:

Trong Kinh Luận Phật thường giảng “Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”. Vậy còn mười pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà ra? Cũng là từ tâm tướng mà ra. Là khỏi tâm tướng, không pháp nào có thể có được. Nghịch cảnh, người ác là do ý niệm bất thiện của chính mình mà ra, sao có thể oán trách môi trường bên ngoài? Nếu niệm niệm nào của ta cũng là thiện niệm thì ta sẽ thấy cảnh giới bên ngoài không có gì bất thiện. Sao Phật lại thấy mọi chúng sanh đều là Phật? Vì trong tâm Ngài là Phật, tâm Phật thì đương nhiên thấy ngoại cảnh không gì là không phải Phật. Vậy đến khi nào chúng ta mới thực thành người thiện? Người thiện thì vừa mở mắt nhìn, thấy tất cả thế gian không pháp nào là bất thiện; Ngạ quỷ, Địa ngục, Súc sanh hết thấy đều thiện. Ấy mới thực là người thiện. Ví như vẫn còn bất thiện xen tạp bên trong thì không phải là người thiện, cái thiện ấy chỉ là cái thiện tương đối, không phải thuần thiện, thuần thiện nhất định phải lìa khỏi cái tương đối ấy.

Những phiền não mà Kinh văn nhắc đến thật nghiêm trọng, chung quy lại cũng là “hoài nghi”. Không chỉ là hoài nghi giáo huấn Thánh hiền mà còn hoài nghi với tất cả người, sự và vật. Đến khi nào mới có thể đoạn trừ sự hoài nghi ấy? Khi mà người nghi ngờ ta, ta cũng không nghi ngờ người; người cự tuyệt ta, bài trừ ta, ta tạm nhượng bộ, tạm thời né tránh, tuyệt không hoài nghi người. Đến khi công phu mình thật đủ sâu rồi thì *“tinh thân sở chí, kim thạch vi khai”* (nghĩa là: *Tâm hết mực chân thành, có thể khiến vàng đá mở ra*), tự có thể hóa giải sự hoài nghi của người với mình. Người vẫn hoài nghi ta là do lời giải thích của ta chưa đủ chân thành, do ta chưa làm tốt; quyết không có chút tâm oán hận với người, niệm niệm đều phải hồi quang phản chiếu!

Chư Phật Bồ tát, Đại Thánh, Đại Hiền không ai là không phải bắt đầu tu tập từ tâm tánh của mình, ấy gọi là “nội học”. Nếu tất cả chỉ nhìn thấy bên ngoài thì ấy gọi là “ngoại đạo”, là “ngoại tâm cầu pháp”. Phật giáo sẽ chia thành “nội học”, “ngoại đạo” cũng từ chỗ này mà phân, chúng ta học Phật thì ngàn vạn lần không nên học thành ngoại đạo, rồi chỗ nào cũng nhìn thấy người không đúng, ấy là ngoại đạo; niệm niệm phản tỉnh thân ta là không đúng, ấy mới là học Phật. Đúng thực là người không có lỗi, ngay cả khi họ đã tạo thập ác ngũ nghịch cũng không có lỗi, vì sao vậy? Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất rõ: ***“Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quáĩ dã”*** (nghĩa là: *“Người đời trước sống không biết hành thiện, chẳng*

màng đạo đức, vì không có người nói cho biết, trọn chẳng đáng trách), không ai dạy họ biết, ta muốn trách họ thì ta sai rồi, tâm ta quá khắt khe rồi.

Tôi cũng không dễ gì mới hiểu được đạo lý này, mới từ xưa kia vô số tập khí ác hội đầu lại. Hồi đầu đâu dễ dàng! Mỗi ngày đọc Kinh, cùng đồng tu, cùng đạo hữu nghiên cứu, thảo luận Kinh điển, ấy chính là thân cận Phật, Bồ tát. Phải năm mươi năm ròng rã không rời, ngày ngày vẫn làm, không ngày ngưng nghỉ mới mong chuyển đổi ý niệm này. Nếu không có nghị lực, quyết tâm thì sao có thể chuyển đổi được? Đến lúc chuyển được rồi thì chắc chắn không còn đọa lạc. Lấy một câu nói trong tôn giáo “bản thân được cứu rồi”, Phật giáo gọi là “bản thân được độ rồi”. Sau khi bản thân được độ rồi, thì thân còn lưu lại thế gian này thì quyết vẫn không chỉ vì mình, không có chính mình. Thân lưu lại thế gian này là để giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh hiểu rõ đạo lý lớn này.

Vậy nên “Tín” ngày nay của chúng ta không có căn, thì sao có Lực? Tín có Lực mới phá được nghi, phá được chướng. Trong quá trình tu học chúng ta nhất định không được có nghi hoặc. Chướng là chướng ngại từ bên ngoài, mà nói theo ngày nay là “chịu sự tác động của người, sự và vật”, vậy nên sanh ra chướng ngại. Nhất định không để ngoại lực ảnh hưởng thì đó chính là trừ chướng, được vậy thì đạo đức, trí huệ bản thân mỗi ngày thêm lớn.

Làm sao mới phá trừ được chướng ngại? Pháp tu này vô cùng quan trọng! Qua được ải này rồi thì những ải sau sẽ không quá khó khăn; tinh tấn, niệm căn, niệm lực, định căn, định lực, huệ căn, huệ lực tự nhiên lớn lên và cũng tự nhiên tinh tấn không giải đãi.

Với những điều Phật giảng dạy, nếu thực chúng ta đã hiểu rõ và thể hội, đã dung hợp, biến nó thành kiến giải, tư tưởng của chính mình và thực hành vào đời sống, thì có gì mà không an vui? Chúng ta không được an vui, việc này giống như ăn thức ăn nhưng lại ăn phải những thứ không bổ dưỡng, ăn rồi nhưng không tiêu hóa được. Đó không phải vì thức ăn không thể tiêu hóa mà là do hệ thống tiêu hóa của chúng ta có vấn đề, vấn đề này chính là tham, sân, si, mạn, nghi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cho nên giảm một phần vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có thể tiếp thu thêm một phần Phật pháp; giảm được hai phần thì tiếp thu hai phần. Còn nếu vẫn quyết giữ những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cả đời này có dụng công khổ học

thế nào cũng không thể tiếp thu được chút gì. Vậy nên muốn có được giáo huấn của Thánh hiền (thực tế mà nói thì tâm tánh vốn có đủ trí huệ, đức năng) thì phải điều hòa thân tâm, khôi phục khả năng “tiêu hóa” của chính mình, được vậy thì đạo Bồ Đề tự nhiên thuận buồm xuôi gió.

Tóm lại mà nói, trong Phật pháp nguyên tắc cương lĩnh đầu tiên là Thiền định. Thiền định là then chốt tu học của Phật pháp. Kinh Kim Cang giải thích Thiền định là **“bất thủ u tướng, như như bất động”** (nghĩa là ngoài không dính tướng, trong không động tâm), thực sự làm được điều này thì ắt sẽ phục hồi khả năng “tiêu hóa” của bản thân.

“Bất thủ u tướng” tức là không chấp vào cái tướng bên ngoài. Thế nào là không dính chấp tướng bên ngoài? Phải thường nghĩ đến **“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”** (nghĩa là “phàm thứ gì có tướng thì đều là hư vọng”). Gặp tướng tốt, thuận cảnh, trong lòng hoan hỷ ấy chính là phiền não, phải nghĩ đến “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” để dẫn tâm hoan hỷ ấy xuống. Gặp người ác, nghịch cảnh cũng nghĩ đến “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” để dẫn tâm tham, sân hận xuống. Mọi lúc, mọi nơi, luôn giữ tâm bình thường. Bình đây là bình đẳng, thường là hằng thường. Phải vĩnh viễn giữ được cái tâm “bình thường” ấy.

Chúng ta thường cúng một ly nước trước Phật. Nước đại diện cho sự thanh tịnh, bình đẳng. Luôn giữ được sự thanh tịnh, bình đẳng thì đó chính là Phật đạo, là đại đạo. Tâm bình thường chính là đạo!

(Bình thường tâm thị đạo là một câu nói nổi tiếng của Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên. Khi môn đệ thượng thủ là Triệu hỏi Nam Tuyền rằng:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Triệu Châu lại hỏi:

- Nhắm hướng đến đó được không?

Nam Tuyền đáp:

- Hướng đến càng xa.

Triệu Châu hỏi:

- Nếu không nghĩ đến thì sao biết được đó là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Đạo không thuộc về biết hay không biết. Đạo chẳng thuộc biết, cũng chẳng thuộc chẳng biết; biết là vọng giác, không biết là vô kí. Nếu thật sự đạt đạo thì bây giờ cũng như thái hư, trống rỗng thênh thang, còn gượng chấp phải trái sao?

Ngay câu này, Triệu Châu Đốn ngộ)

Lục căn vừa tiếp xúc bên ngoài mới gợn chút sóng gió, tâm ta liền không giữ được, ấy chính là không có đạo, là phàm tâm, không phải đạo tâm. Đạo tâm là tâm thanh tịnh bình đẳng, phàm tâm là tâm hỉ, nộ, ai, lạc. Chúng ta hiểu được rồi, thì ắt biết dụng công thế nào để có thể siêu phàm nhập thánh.

Kinh văn 52: **“Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp”** (Nghĩa là: Dùng giác chi trang nghiêm, nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp).

Đoạn này nói về “Thất Bồ Đề Phần” trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

(“Thất Bồ Đề Phần”: “Bồ đề” là Giác, hay đạo quả giác ngộ. “Phần” là từng phần, từng loại. Thất Bồ Đề Phần là bảy pháp tu tập tuần tự hướng đến đạo quả Vô thượng Bồ đề hay bảy pháp giúp chúng ta thành tựu đạo quả Đại giác. Trích Phật Học Phổ Thông – HT Thích Thiện Hoa)

Hay còn gọi là “Thất giác chi”, “Thất Giác Phần”.

(“Thất giác chi”. “Giác” cũng tức là bồ đề, “chi” cũng như phần vậy. Thất giác chi tức là bảy nhánh, bảy phương tiện đi đến đích giác ngộ. Trích Phật Học Phổ Thông – HT Thích Thiện Hoa)

“Chi” tức là chi phần, trọng tâm là “giác”, “thất” tức bảy điều gồm Niệm, Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Định và Xả.

Tác dụng và hiệu quả của Thất Giác Chi chính là “**Thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp**” (là thường khéo giác ngộ tất cả các pháp). “Thường” nghĩa là vĩnh hằng, hằng thường. Trong “thiện giác” thì chữ “thiện” chính là mấu chốt, cái “thiện” thực tiễn chính là chỗ này nói Thất Giác Chi. Chúng ta dùng nguyên tắc này để giác ngộ tất cả các pháp. Sở dĩ phàm phu không thể thành Thánh then chốt là ở “không giác”. Pháp thế xuất thế gian không ngoài “giác” và “mê”; giác ngộ rồi thì là pháp xuất thế gian, vẫn còn mê thì là pháp thế gian. Cho nên, giác rồi thì gọi là Phật, Bồ tát; còn mê là phàm phu.

Thứ nhất “Niệm giác chi”

(Niệm: Nghĩa là thường ghi nhớ chánh pháp để thực hành tâm niệm, nếu không thường nhớ Chánh pháp tất nhiên tạp niệm phát sinh, phiền não tăng trưởng. Cũng như một đám đất không trồng hoa thì cỏ mọc. Vì thế người tu hành cần phải để tâm ghi nhớ Chánh pháp đừng cho xao lãng, buông lung, nghĩ bậy. (Trích Phật Học Phổ Thông – HT Thích Thiện Hoa)

Trong chú giải có nói:

“Tâm trầm thời, niệm dụng trạch, tấn, hỷ dĩ khởi chi” (Nghĩa là: Nếu tâm chìm đắm, bèn nghĩ cách dùng ba giác phần là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để quán sát”). Chữ “tâm trầm” ý nói tâm hôn trầm, như đang lúc niệm Phật nghe kinh thường buồn ngủ, không đề khởi tinh thần. Đây chính là phiền não chướng ngại nghiêm trọng; “Trạch pháp”, “trạch” tức là lựa chọn, “pháp” là phương pháp như kinh hành, bái (lạy) Phật, chỉ tịnh, chuyên chú Phật hiệu, v.v.. để đối trị lại tâm hôn trầm.

“Tâm phù thời, niệm dụng Khinh an – Định – Xả dĩ nhiếp chi” (Nghĩa là: Nếu tâm chao động, bèn dùng ba giác phần là Khinh an, Xả, Định để nhiếp tâm”). Chữ “phù” là trạo cử, tâm bất an, vọng niệm quá nhiều; khi ấy dùng ba pháp Khinh an – Định – Xả để nhiếp tâm.

“Giác linh định huệ quân đẳng”(nghĩa là: Luôn giữ cho Định Tuệ được cân bằng), cũng có câu: “Thường minh ký Định Tuệ nhi bất vong, sử chi quân đẳng” (nghĩa là: Thường nhớ rõ Định Tuệ chẳng quên mất, luôn giữ cho Định Tuệ được cân bằng), ý là nhất định phải đạt được sự cân bằng giữa định huệ thì đó mới là bình thường. Định nhiều huệ ít thì hôn trầm, huệ nhiều định ít thì trạo cử, hồ tư loạn tưởng. Ý nghĩa chữ “Định, Huệ” chỗ này khá hẹp, phạm phu bình thường vẫn có thể có được, nhưng khác hoàn toàn với Định – Huệ của “Giới – Định – Huệ”. Đây là một loại dụng công lúc bình thường, còn nhiếp tâm là phương pháp hàng phục hôn trầm. Chỗ này chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Hôn trầm, Trạo cử là những bệnh thường gặp của người tu hành; phương pháp đối trị với bệnh này chính là dùng Thất giác chi. Thông thường chúng ta không nói không nhắc đến “Thất giác chi” vì nó khá phức tạp, trừ phi đối với Phật pháp tương đương khế nhập thì mới dùng đến những nguyên tắc, nguyên lý này của Kinh điển.

Thông thường chúng ta dùng phương pháp khi vọng niệm khởi phát thì không quan tâm nó, ý chí chuyên chú vào câu Phật hiệu, bất kể thiện niệm hay ác niệm đều chẳng để ý gì đến nó, lâu ngày dài tháng, vọng niệm tự nhiên giảm đi.

Nếu chỉ là hôn trầm nhẹ thì dùng phương pháp kinh hành, nhiều Phật để đối trị; hôn trầm tương đối nghiêm trọng hơn, tốt nhất là lạy Phật. Nhất định phải đề khởi tinh thần và đương nhiên là có mối liên hệ rất lớn tinh thần và nguyện lực bản thân. Nhất định phải phát đại nguyện “*nguyện độ chúng sanh, nguyện liễu sanh tử, nguyện thành Phật đạo*”. Phạm là người có thành tựu thì không gì khác là nguyện lực đang thúc đẩy họ, cho nên mới có thể dũng mãnh tinh tấn.

Nếu không biết dùng phương pháp đối trị, thì công phu chúng ta không thể tiến bộ; mà phương pháp thì vô lượng vô biên, nhất định phải khế cơ, không phải khế cơ của đại chúng mà là khế cơ của mỗi chúng ta. Căn cơ và tập khí có liên hệ với nhau, ý cũng là nói nếu tất cả pháp môn mà chúng ta tu

học hiện nay với những gì mà chúng ta đã học trước là như nhau thì chúng ta tu học thuận lợi; ngược lại thì đương nhiên việc học hành cũng trở nên hết sức gian nan. Cho nên căn cơ và việc tu hành trong quá khứ của mỗi người đều có mối quan hệ mật thiết với nhau. Phật, Bồ tát, A La Hán giáo hóa chúng sanh thì rất dễ dàng vì các vị ấy có thể quán cơ, biết được những gì chúng ta đã tu học trong quá khứ nên dẫn đạo thì rất khế cơ. Phàm phu thì không có năng lực này. Không có năng lực này thì phải cẩn thận quan sát, nhờ vào kinh nghiệm mà tìm ra, sau đó mới làm thực nghiệm.

Khi chúng ta mới bắt đầu học có thể lướt sơ qua một số pháp môn, nhưng sau khi hiểu rõ rồi, thì bản thân tỉ mỉ suy xét lựa chọn.

Lấy chính tôi làm ví dụ. Lúc đầu ông Phương Đông Mỹ giới thiệu Kinh Hoa Nghiêm cho tôi, tôi đọc Sớ Sao của Đại sư Thanh Lương thấy vô cùng hoan hỉ, nhưng lại không dám học vì bộ Kinh này quá lớn. Về sau tôi học tập với Thầy Lý Bình Nam, lúc ấy là trước lúc chưa xuất gia, ở Đài Trung khoảng một năm ba tháng thì học được mười ba bộ kinh, bộ đầu tiên là “A Nan Vấn Phật Sự Kiết Hung”. Tiến độ lúc đó khoảng một tháng học một bộ, tiêu chuẩn là lên bục giảng có thể giảng lại bộ kinh đã học nên tâm học hết sức hưng vượng.

Sau này xuất gia và giảng dạy ở viện Phật học, cứ mỗi học kỳ dạy một bộ, ba năm tốt nghiệp ở Viện Phật học tôi mới dạy hết sáu bộ. Ở Đài Trung chỗ Thầy Lý phong khí học tập vô cùng hăng hái, hiệu quả vô cùng cao. Cho nên khi đã học và nắm vững bộ Kinh nhỏ, tôi liền muốn học bộ Kinh lớn. Tôi một lòng quyết ý muốn học Kinh Pháp Hoa nên sưu tập mười mấy bản chú giải Kinh Pháp Hoa; vừa đúng lúc Thầy Lý Bình Nam khai giảng Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Ngài nói phân lượng của Kinh Lăng Nghiêm gần bằng Kinh Pháp Hoa nên muốn tôi học Kinh Lăng Nghiêm. Tôi hiểu là thời gian của Ngài ấy hết sức quý báu, nên tôi nghe theo lời khuyên dạy, tạm gác Kinh Pháp Hoa lại và bắt đầu học kinh Lăng Nghiêm với Ngài ấy.

Quyển Kinh Lăng Nghiêm trên tay tôi đang có đây chỉ có một bản chú giải do Pháp sư Viên Anh giảng nghĩa, vậy nên tôi vội vàng liên hệ với nơi

lưu hành Kinh Phật ở Hồng Kông, nhờ ông sưu tập giúp tôi bản chú giải Kinh Lăng Nghiêm. Chưa đến nửa năm, ông giúp tôi tìm được hơn hai mươi bản chú giải đều được đóng bìa rất quý hiếm. Vậy là tôi ở Đài Trung ba năm chăm chỉ dụng công theo Thầy Lý Bình Nam học Kinh Lăng Nghiêm. Cứ mỗi tuần thứ tư thầy Lý giảng một lần, sau khi lớp học Kinh hai năm thì dừng rồi bồi dưỡng hơn 20 học sinh đều có thể giảng Kinh. Liên Xã Đài Trung có 17 giáo sở, các học sinh sẽ thay phiên nhau giảng kinh ở giáo sở, việc này có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Đài Loan.

Sau khi lớp học này ngưng rồi, tôi mời bảy người đồng học lại, mỗi tuần tụ họp bốn lần, mỗi lần khoảng ba giờ đồng hồ để cùng nhau nghiên cứu, thảo luận bài giảng do một bạn học giảng lại. Các bạn học đều rất từ bi, họ dành toàn bộ thời gian cho tôi để tôi giảng lại Kinh Lăng Nghiêm; vậy nên thầy Lý giảng qua một lần thì tôi cũng giảng được một lần. Tôi giảng một lần cho sáu bạn học nghe, sáu vị này cũng đều là người giảng Kinh, đều là người trong nghề. Bài tôi giảng vẫn còn sai sót, còn có chỗ dùng từ không rõ ý, mọi người nêu ra rồi giúp tôi sửa lại cho đúng.

Vậy nên bất luận pháp thế xuất thế gian, muốn học phải có thầy chỉ dạy, phải có bạn cùng học, chỉ có mỗi thầy mà không có bạn thì cũng khó thành tựu. Bảy người chúng tôi cùng nhau học mười năm, mười năm như một ngày. Trong ba năm thì bộ kinh Lăng Nghiêm được giảng xong, nên tảng giảng Kinh tôi học cũng thật ổn định rồi, nên về sau học tiếp những bộ Kinh lớn khác thì dễ như trở bàn tay. Còn Kinh Pháp Hoa tôi chưa học qua, chưa nghe giảng qua, nhưng thầy Lý đã giảng qua Kinh Pháp Hoa. Trong Hoàng Hộ Tiểu Phẩm có bút ký, tôi giữ lấy bút ký của thầy ấy, tôi cũng có thể giảng Kinh Pháp Hoa, tôi từng dùng 60 giờ giảng Đại Ý Kinh Pháp Hoa. Tôi đến Đài Trung đi nghe Kinh Hoa Nghiêm. Tôi nghe cách thầy Lý giảng pháp thế nào. Sau khi nghe giảng quyển thứ nhất thì phần sau tôi đều biết rồi, vậy là tôi đến Đài Bắc giảng Kinh Hoa Nghiêm. Cho nên học Kinh giáo phải hiểu được bí quyết này.

Người xưa có câu “*thông một Kinh, ắt thông tất cả Kinh*”, nếu chúng ta muốn thành tựu nhất định phải “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân*”

tu”, rồi sau đó bất kể đọc Kinh điển gì cũng sẽ không gặp chướng ngại, nhiều nhất là mấy chỗ khó hiểu trong Kinh văn thì tham khảo chú giải của các vị cổ đức, bản chú giải này không hiểu lắm thì xem bản chú giải khác, đương nhiên là phải có chút ít khả năng đọc sách xưa; vậy nên tôi chọn một trăm thiên trong Cổ Văn Quán Chi. Tôi yêu cầu các đồng học ở Úc phải học thuộc hai thiên cổ văn mỗi tuần, trong một năm phải xong một trăm thiên cổ văn. Phải đọc thuộc, giảng được, viết được chính là chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, Đại Tạng Kinh. Vậy nên việc lựa chọn pháp môn có quan hệ thành bại đời này của chúng ta.

Thứ hai “Trạch pháp giác chi”.

(“Trạch” là lựa chọn, pháp là pháp môn, là phương pháp tu hành. Trạch pháp là dùng trí tuệ để lựa chọn pháp lành để tu, pháp dữ để tránh. - Trích Phật Học Phổ Thông HT Thích Thiện Hoa)

Trong Chú giải có câu: *“Quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy, bất mậu thủ chư, hư ngụy pháp cố danh trạch pháp”*

(Nghĩa là: quán sát các pháp, khéo có thể giác ngộ phân biệt là chân hay ngụy; chẳng chọn lầm các pháp hư ngụy nên gọi là “trạch pháp” (chọn lựa pháp)).

Ý nghĩa hàm chứa trong câu này rất rộng, không chỉ đơn giản là phương pháp tu hành mà còn gồm cả cách đối nhân, xử thế, tiếp vật trong đời sống thường ngày; phải biết đem những sai lầm của chúng ta sửa đổi lại, như thế mới thực là tu hành. Chữ “Thiện” trong “Thiện năng giác liễu” (là khéo có thể giác ngộ) bao hàm cả trí huệ, không có trí huệ thì không có năng lực phân định, tức là không có phương tiện thì không biết làm sao để giản biệt (là phân biệt); nên nhất định phải có trí huệ, có phương tiện kỹ xảo.

Chúng ta là phàm phu trí huệ chưa khai mở, làm thế nào phân định chân – vọng, chánh – tà, thị – phi của mọi pháp thế xuất thế gian? Do đó cần phải học. Ý nghĩa của chữ “học” và chữ “giác” tương thông nhau, học chính là giác ngộ, hiểu học chính là sự mong muốn giác ngộ, hoan hỷ giác ngộ tường tận mới hiểu học.

Ngày nay tiêu chuẩn (chân – vọng, chánh – tà, thị – phi) mà chúng ta dùng chính là tiêu chuẩn của cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để so sánh, để chọn lựa.

Phật dạy cho chúng ta tiêu chuẩn, chính là chúng ta vừa bước vào cửa Phật, việc thứ nhất là tiếp nhận nghi thức “Tam Quy”, tức là “Giác – Chánh – Tịnh”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Đại sư Huệ Năng truyền thụ Tam quy không phải là “quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”, Ngài dạy chúng ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh” tức “Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh”. Vì khi nói Phật – Pháp – Tăng chúng ta thường hiểu lầm dính chấp vào hình tướng. Giống như nói “quy y Phật” liền nghĩ đến tượng Phật, nói “quy y Pháp” liền nghĩ đến Kinh Phật, nói “quy y Tăng” liền nghĩ đến người xuất gia. Nghĩa thực sự của Phật – Pháp – Tăng là Giác – Chánh – Tịnh; giác mà không mê chính là Phật, chánh mà không tà chính là Pháp, tịnh mà không nhiễm chính là Tăng, tức là đang dạy chúng ta Giác – Chánh – Tịnh. Đây là tự tánh của Tam Bảo chứ không phải chỉ là quy y tượng Phật bằng gỗ, xi măng, cũng không phải quy y Kinh điển, càng không phải quy y người xuất gia. Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Cho nên, tiêu chuẩn lựa chọn của chúng ta là tự tánh Giác – Chánh – Tịnh, còn những điều trái ngược với Giác – Chánh – Tịnh đều không phải Phật pháp.

Thế nào gọi là “Giác – Chánh – Tịnh”? Kinh Đại thừa lần Tiểu thừa đã bàn rất nhiều rồi, chúng ta đọc Kinh, tìm hiểu Phật giáo cũng không ngoài mục đích hiểu giảng giải tường tận nghĩa của ba chữ này. Thế nhưng từ thực tiễn đến phương tiện trước tiên nhất thì biết phải bắt đầu nhập môn từ đâu? Đương nhiên là từ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, như trong Kinh Vô Lượng Thọ vẫn dạy chúng ta rằng “Thiện hộ tam nghiệp” (nghĩa là khéo giữ ba nghiệp) chính là bắt đầu từ chỗ này đây. **“Khéo giữ khẩu nghiệp, không bàn lời người; khéo giữ thân nghiệp, không mất oai nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”** ba câu này chính là Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta phải nhớ không được quên, nhất định phải thật lý giải được ý nghĩa của tinh thần của mười điều thiện. Thực hành viên mãn mười thiện nhất định sẽ đắc Phật quả cứu cánh.

Bộ Kinh này tuy nội dung không nhiều nhưng ý nghĩa thì vô cùng vô tận, sau này khéo nhập rồi tự ắt chúng ta sẽ hiểu từng câu từng chữ, tất cả Kinh luận đều viên dung tất cả Kinh luận, đúng thực là “một tức là tất cả, tất cả tức là một; một và tất cả chẳng gì khác biệt” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Không thể nói rằng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là nông cạn, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm thì thâm sâu; sự thật thì không phân chia lớn – nhỏ, nông – sâu, tất cả chỉ là bình đẳng và bình đẳng. Chúng ta có thể vào được cảnh giới như thế tức chúng ta đã thiện năng giác liễu (*là khéo có thể giác ngộ*). Cảnh giới này chính là cảnh giới vô chương ngại, cảnh giới giải thoát không thể bàn nghĩ mà Hoa Nghiêm dạy.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

Không làm các việc ác,

Vâng làm các việc lành,

Tự thanh tịnh tâm ý,

Đó là lời Phật dạy

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!